SALES CONTRACT

This Sales Contract ("Contract") is made by and between:

(A) Seller: _____ Company, a company established and operating under the law of Hungary, with a business code of _____ having head office address at: _____,

and

(B) Buyer: _____ Company, a company established and operating under the law of Vietnam, with a business code of _____ having head office address at: _____

The Seller and Buyer shall be individually referred to as a "**Party**" and collectively referred to as the "**Parties**".

Recitals:

(A) The Seller intends to find parties to buy Commodity owned by Seller.

(B) The Buyers intend to purchase Commodity from the Seller, the Commodity is set out herein and pursuant to the terms and conditions of this Contract.

(C) The Parties agree to comply with Procedure stated in Appendix.

THEREFORE, in consideration of the commitments herein, Parties agree to sign the Contract with the following terms and conditions:

1. DEFINITIONS

In this Contract:

a. Contract is content of this Contract and its Appendixes

b. SGS and Bureau Veritas are leading company in Inspection and Certification

c. ISRI is Institute of Scrap Recycling Industries

HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG

Hợp Đồng Bán Hàng này ("Hợp Đồng") được lập bởi và giữa:

(A) Bên Bán: Công ty _____, một công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Hung-ga-ri có mã số công ty là _____, có địa chỉ trụ sở chính tại: _____

và

(B) Bên Mua: Công ty _____, một công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có mã số công ty là _____, có địa chỉ trụ sở chính tại: _____

Bên Bán và Bên Mua được gọi riêng rẽ là "**Bên"** và được gọi chung là "**Các Bên**".

Xét rằng:

(A) Bên Bán có mong muốn tìm các bên để mua Hàng Hóa thuộc sở hữu của Bên Bán.

(B) Bên Mua có mong muốn mua Hàng Hóa từ Bên Bán, Hàng Hóa được quy định tại Hợp Đồng này và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này.

(C) Các Bên thống nhất tuân thủ Quy trình nêu tại Phụ lục

DO VẬY, căn cứ vào các cam kết nêu tại đây, Các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng này với các điều kiện và điều khoản sau:

1. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trong Hợp Đồng này:

a. Hợp Đồng là nội dung của Hợp Đồng này và các Phụ lục của nó

b. SGS và Bureau Veritas là các công ty hàng đầu trong việc Giám định và cấp Chứng nhận

c. ISRI là Viện Công Nghiệp Tái Chế Phế Liệu

d. ISRI Scrap Specifications Circular is ISRI's Scrap Specifications Circular which takes effect on 26th March, 2020

e. Vietnam is The Socialist Republic of Viet Nam

f. Effective Date is the date that the Contract is signed by the last Party

g. USD is the legal currency of the United States of America

h. Working days are days that is neither Saturday, Sunday nor holiday in Vietnam and United Kingdom

i. Laws are law of the United Kingdom and law of Vietnam

d. Hướng Dẫn Tiêu Chuẩn Về Phế Liệu của ISRI là Hướng Dẫn Tiêu Chuẩn Về Phế Liệu của ISRI có hiệu lực từ ngày 26/03/2020

e. Việt Nam là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

f. Ngày Hiệu Lực là ngày Hợp Đồng được ký bởi Bên cuối cùng

g. USD là đồng tiền hợp pháp của Hoa Kỳ

h. Ngày làm việc là những ngày mà không phải Thứ Bảy, Chủ Nhật cũng không phải ngày lễ tại Việt Nam và Vương Quốc Anh

i. Pháp luật là pháp luật Vương Quốc Anh và Việt Nam

2. COMMODITY AND PRICE

2.1. Commodity

Name of Commodity: Aluminium USED BEVERAGE CAN ("UBC") Scraps in Bales.

Origin: United Kingdom

Quantity (Ton): 1000 ton minus 5% in quantity (40x40Feet container)

Specification and Packing of Commodity: as stated in Appendix

2.2. Price

Price per Ton: as stated in quotation attached in scan of Contract that sent by Seller to Buyer to consider and sign ("Price per Ton").

The above Price per Ton shall only be applied for the Quantity of Commodity under this Contract.

Total Price = Price per Ton X 1000 (included all taxes and fees (if any)).

2. HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ

2.1. Hàng Hóa

Tên Hàng Hóa: Phế liệu nhôm lon nước giải khát đã mqsử dụng được đóng kiện.

Xuất xứ: Vương Quốc Anh

Khối lượng (Tấn): 1000 tấn trừ 5% khối lượng (container 40x40feet)

Tiêu chuẩn và đóng gói Hàng Hóa: như được quy định tại Phụ lục

2.2. Giá Cả

Giá Trên Tấn: theo báo giá của Bên Bán được gửi kèm bản scan Hợp Đồng được Bên Bán gửi Bên Mua xem xét và ký ("Giá Mỗi Tấn")

Mức Giá Mỗi Tấn trên chỉ áp dụng cho Khối lượng Hàng Hóa theo Hợp Đồng này.

Tổng Giá Trị = Giá Mỗi Tấn X 1000 (đã bao gồm toàn bộ thuế và phí (nếu có)).

3. DELIVERY AND PAYMENT

3.1. Delivery

Commodity shall be delivered in 2 shipments.

Departure Port: FELIXSTOWE PORT, UNITED KINGDOM.

Destination Port: CAT LAI PORT, VIETNAM.

3. GIAO HÀNG VÀ THANH TOÁN

3.1. Giao hàng

Cảng đi: CẢNG FELIXSTOWE, VƯƠNG QUỐC ANH

Cảng đến: CẢNG CÁT LÁI, VIỆT NAM

Delivery Process: as stated in Appendix

Delivery Company shall be appointed by Buyer.

3.2. Payment

Payment shall be made in 3 instalments:

a. First payment: 10% of Total Price. Payment method: T/T (Telegraphic Transfer) payment on the Effective Date.
b. Second payment: the payment amount corresponds to the actual quantity of the delivered goods. Payment method: T/T (Telegraphic Transfer) payment within 03 working days from the date of commodity arrives Destination Port. The Seller must notify the Buyer of the time that commodity arrives at Destination port.
c. Third payment: the payment amount corresponds to the actual quantity of the delivered goods. Payment method: T/T (Telegraphic Transfer) payment within 03 working days from the date of commodity arrives Destination Port. The Seller must notify the Buyer of the time that commodity arrives at Destination port.

Actual quantity is the weight at the Buyer's weigh station. In case that total quantity of 2 shipment is less than the Quantity in Section 2.1, the Seller shall pay the Buyer a penalty equal to 20 (twenty) times price of such insufficient quantity. The maximum tolerance for quantity is 0.05%.

3.3. Payment Information

Buyer shall transfer the Total Price to Seller with the account information of Seller as follows:

BANK'S NAME: _____

BANK'S ADDRESS: _____

SWIFT CODE: _____

BENEFICIARY'S NAME: _____

BENEFICIARY'S ADDRESS: _____

ACCOUNT NO.: _____

Currency payment: USD

Seller issues an invoice to Buyer within 02 (two) working days from the date of receiving the payment from Buyer.

Quy trình giao hàng: Như quy định tại Phụ Lục

Công Ty Vận Chuyển sẽ được chỉ định bởi Bên Mua.

3.2. Thanh toán

Thanh toán được chia làm 3 đợt:

a. Thanh toán đợt đầu: 10% của Tổng Giá Trị. Hình thức thanh toán: chuyển tiền bằng điện (T/T payment) vào Ngày Hiệu Lực.
b. Thanh toán đợt thứ hai: số tiền thanh toán tương ứng với khối lượng thực tế hàng hóa được giao. Hình thức thanh toán: chuyển tiền bằng điện (T/T payment) trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa về tới Cảng đến. Bên Bán phải gửi thông báo trước cho Bên Mua về ngày hàng hóa về tới Cảng đến.
c. Thanh toán đợt thứ ba: số tiền thanh toán tương ứng với giá khối lượng thực tế hàng hóa được giao. Hình thức thanh toán: chuyển tiền bằng điện (T/T payment): trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa về tới Cảng đến. Bên Bán phải gửi thông báo trước cho Bên Mua về ngày hàng hóa về tới Cảng đến.

Khối lượng thực tế được xác định là khối lượng tại trạm cân của Bên Mua. Trường hợp tổng khối lượng của 2 đợt giao hàng nhỏ hơn khối lượng nêu tại Mục 2.1, Bên Bán phải thanh toán cho Bên Mua khoản tiền phạt bằng 20 (hai mươi) lần giá khối lượng còn thiếu. Dung sai tối đa với khối lượng là 0.05%.

3.3. Thông tin thanh toán

Bên Mua thanh toán Tổng Giá Trị cho Bên Bán theo thông tin tài khoản của Bên Bán như sau:

TÊN NGÂN HÀNG: _____

ĐỊA CHỈ NGÂN HÀNG: _____

MÃ SWIFT: _____

TÊN BÊN THỤ HƯỞNG: _____

ĐỊA CHỈ BÊN THỤ HƯỞNG: _____

SỐ TÀI KHOẢN: _____

Đồng tiền thanh toán: USD

Bên Bán xuất hóa đơn cho Bên Mua trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khoản thanh toán từ Bên Mua.

4. REQUIRED DOCUMENTS

Required documents include:

- Bill Of Lading: 3 Original Copies Each
- Commercial Invoice: 3 Original Copies Each
- Packing List: 3 Original Copies Each
- Certificate Of Origin: 3 Original Copies Each
- Certificate Of Quality: 3 Original Copies Each
- Full Set Of Insurance Certificates.
- SGS's Certificate Of Inspection on Quality and Quantity of the Commodity
- Chemical Residues Certificate.
- Laboratory Certificate.
- Tracking reference document directly from the shipping delivery agency

4. TÀI LIỆU BẮT BUỘC

Các tài liệu bắt buộc gồm:

- Vận Đơn (B/L): Mỗi Tài Liệu 3 Bản Chính
- Hóa Đơn Thương Mại: Mỗi Tài Liệu 3 Bản Chính
- Bảng Kê (Phiếu Đóng Gói) Hàng Hóa: Mỗi Tài Liệu 3 Bản Chính
- Chứng Nhận Nguồn Gốc (C/O): Mỗi Tài Liệu 3 Bản Chính
- Chứng Nhận Chất Lượng (C/Q): Mỗi tài liệu 3 bản chính
- Bộ Chứng Từ Bảo Hiểm Đầy Đủ
- Chứng Nhận Của SGS Về Chất Lượng Và Khối Lượng Hàng Hóa
- Chứng Nhận Tồn Dư Hóa Chất
- Chứng Nhận Phòng Thí Nghiệm
- Các tài liệu theo dõi vận chuyển từ đơn vị vận chuyển

5. THE COMMITMENT OF PARTIES

5.1. Mutual Commitments

a. The participation and implementing Contract and also implementing the transactions comtemplated hereby of a Party is not and shall not be contrary to any the provisions of law governing to that Party; or internal regulations; or any Contracts binding on that Party.

b. The information provided by a Party to the other Party prior to the date of this Contract is true and complete.

c. A Party shall use its best endeavors to implement its obligations hereunder and the transactions contemplated hereby.

d. Keeping information confidential according to terms of Section 8 hereof.

5.2. Besides the commitments mentioned in Section 5.1, Seller additionally commits the following provisions:

a. Seller is legally established and operating under the law of Hungary, and Seller shall

5. CAM KẾT CHUNG CỦA CÁC BÊN

5.1. Các cam kết chung

a. Việc tham gia và thực hiện Hợp Đồng cũng như việc thực hiện các giao dịch được dự tính theo đó bởi một bên không và sẽ không trái với: bất kỳ quy định pháp luật nào được áp dụng với bên đó; hoặc quy định nội bộ; hoặc bất kỳ thỏa thuận nào có giá trị ràng buộc bên đó.

b. Các thông tin được một bên cung cấp cho bên kia trước ngày của Hợp Đồng này là: đúng và đầy đủ.

c. Một bên sẽ nỗ lực hết mình để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và các giao dịch dự tính theo đó.

d. Bảo mật thông tin theo quy định tại mục 8 Hợp Đồng này.

5.2. Ngoài các cam kết nêu tại mục 5.1, Bên Bán cam kết thêm các điều sau:

a. Bên Bán được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Hung-ga-ri, Bên Bán sẽ

take all necessary measures to maintain this.

b. Seller guarantees the Commodity owned by Seller which fulfill the specifications specified in Contract Appendix and is not used to guarantee any obligations. Hold Buyer harmless against any liabilities, complaints or claims arising from the Seller's non-comliance of this guarantee.

5.3. Besides the commitments mentioned in Section 5.1, Buyer additionally commits the following provisions:

a. Buyer is legally established and operating under the law of Vietnamese, and Buyer shall take all necessary measures to maintain this.

b. Hold Seller harmless against any liabilities, complaints, claims arising from the purchasing Commodity of Buyer.

sử dụng các biện pháp cần thiết để duy trì điều này.

b. Bên Bán cam đoan Hàng Hóa thuộc sở hữu của Bên Bán, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục Hợp Đồng và đang và không phải dùng để đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Miễn trừ cho Bên Mua khỏi bất kỳ trách nhiệm, khiếu nại, khiếu kiện nào phát sinh từ việc Bên Bán không tuân thủ cam đoan này.

5.3. Ngoài các cam kết nêu tại mục 5.1, Bên Mua cam kết thêm các điều sau:

a. Bên Mua được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, Bên Mua sẽ sử dụng các biện pháp cần thiết để duy trì điều này.

b. Miễn trừ cho Bên Bán khỏi bất kỳ trách nhiệm, khiếu nại, khiếu kiện nào phát sinh từ việc mua hàng của Bên Mua.

6. VIOLATION HANDLING

6.1. Within the fullest extent permitted by law and not restrict other measures specified herein, the act of the violating Party may be subjected to one or more of the following sanctions by the aggrieved party:

a. Suspending temporarily of implementing the Contract: The aggrieved Party has the right to suspend temporarily implementation of the obligations in the Contract;

b. Terminating unilaterally the Contract by notifying the other Party 30 (thirty) days in advance from the termination of the Contract if: (i) The other Party violates the obligations of the Contract and (ii) The aggrieved Party has requested for remedy but the violating Party fails to implement the request within 15 (fifteen) days from the date of receiving the request.

6.2. The violating party must pay the penalty within the time required by the aggrieved party

6. XỬ LÝ VI PHẠM

6.1. Trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép và không hạn chế các biện pháp khác được quy định tại đây, hành vi vi phạm của Bên vi phạm có thể bị Bên bị vi phạm áp dụng một hoặc nhiều hơn các chế tài sau:

a. Tạm ngừng thực hiện Hợp Đồng: Bên bị vi phạm có quyền tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng;

b. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách thông báo cho Bên kia trước 30 (ba mươi) ngày kể từ chấm dứt Hợp Đồng khi: (i) Bên kia vi phạm các nghĩa vụ của Hợp Đồng và (ii) Bên bị vi phạm đã yêu cầu khắc phục nhưng Bên vi phạm không thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6.2. Bên vi phạm phải thanh toán khoản tiền phạt trong thời hạn được bên không vi phạm yêu cầu

7. CLAIMS OF COMMODITY, AND INSURANCE

7. KHIẾU NẠI VỀ HÀNG HÓA, VÀ BẢO HIỂM

7.1 Khiếu nại về Hàng Hóa

7.1 Claims of Commodity

a. Claims for quantity of the Commodity can be made not later than 30 days from the date that Commodity arrives Destination port. If the warranty for the Commodity is present, the Claims for the quality of the Commodity can be made within warranty period for the Commodity. If the warranty for the Commodity is not present, claims for quality of the Commodity can be made not later than 30 days from the date that Commodity arrives Destination port.

b. The Sellers' consider the received claim and reply within 5 days from the date of receiving.

7.2 Insurances

Seller shall bear the expense to procure a policy with a first-class Insurance Institute to cover one hundred and ten percent (110%) of Total Price, from the Departure Port to Destination Port.

a. Khiếu nại về số lượng của Hàng Hóa có thể được thực hiện không quá 30 ngày kể từ ngày Hàng Hóa tới Cảng đến. Nếu có bảo hành cho Hàng Hóa, các khiếu nại về chất lượng của Hàng Hóa có thể được thực hiện trong thời hạn bảo hành đối với Hàng Hóa. Nếu không có bảo hành cho Hàng Hóa, các khiếu nại về chất lượng của Hàng Hóa có thể được thực hiện không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày Hàng Hóa tới Cảng đến.

b. Bên Bán sẽ xem xét khiếu nại đã nhận và trả lời trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được.

7.2 Bảo hiểm

Bên Bán sẽ chịu chi phí để mua một bảo hiểm hạng nhất để bảo hiểm một trăm mười phần trăm (110%) Tổng Giá Trị, từ Cảng đi tới Cảng đến.

8. CONFIDENTIAL INFORMATION

8.1 The contents of the Contract as well as the information disclosed by Parties ("Confidential Information") shall be kept confidential and not disclosed to any third party except for the request of the competent state authorities.

8.2 Confidential Information shall only be used for works that serve the implementation of this Contract.

8.3 A third party is any parties is neither a party of this Contract nor JR VIETNAM TRAVEL AND TRADE PROMOTION COMPANY LIMITED. Third party does not include employees and advisers of a Party who need to know Confidential Information to implement their work.

8.4 The recipient of Confidential Information must maintain the necessary confidentiality measures to protect such Confidential Information.

8.5 Confidential obligations shall survive the termination of this Contract.

8.THÔNG TIN BẢO MẬT

8.1 Các nội dung của Hợp Đồng này cũng như các thông tin được tiết lộ bởi Các Bên ("Thông Tin Bảo Mật") sẽ được bảo mật và không được tiết lộ cho Bên thứ ba trừ khi được yêu cầu bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.2 Thông Tin Bảo Mật sẽ chỉ được sử dụng cho các công việc nhằm phục vụ việc thực hiện Hợp Đồng này.

8.3 Bên thứ ba là bất kỳ bên nào không phải là một bên của Hợp Đồng này và cũng không phải là CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI JR VIETNAM. Bên thứ ba không bao gồm nhân viên và cố vấn của một Bên, những người cần được biết Thông Tin Bảo Mật để thực hiện công việc của họ.

8.4 Bên nhận Thông Tin Bảo Mật phải duy trì các biện pháp bảo mật cần thiết để bảo vệ các thông tin mật này

8.5 Nghĩa vụ bảo mật sẽ duy trì ngay cả khi Hợp Đồng này chấm dứt.

9. TERM AND TERMINATION CONTRACT

9.1 The term of this Contract is 12 (twelve) months from the Effective Date. This Contract may be extended by Contract of the Parties.

9.2 The Contract shall terminate before the term specified in Section 9.1 in the following cases:

a. Terminating in accordance with Section 6.1

b. Parties agree to terminate Contract;

c. A Party goes bankrupt or is dissolved;

d. Due to Force Majeure Event specified in Section 12.3 last for 30 (thirty) days or more;

e. Due to the decision of the competent state authorities and/or the provisions of law.

9.3 The termination of the Contract does not terminate the obligation to pay compensation and penalty according to the Contract. Upon the termination of the Contract, each Party must pay the amount of money owed to the other Party.

9.THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT THỎA THUẬN

9.1 Thời hạn của Hợp Đồng này là 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Hiệu Lực. Hợp Đồng này có thể được gia hạn theo thỏa thuận của Các Bên.

9.2 Hợp Đồng sẽ chấm dứt trước thời hạn nêu tại Mục 9.1 trong các trường hợp sau:

a. Chấm dứt theo quy định tại Mục 6.1

b. Các Bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng;

c. Một Bên rơi vào trường hợp giải thể, phá sản;

d. Sự Kiện Bất Khả Kháng nêu tại Mục 12.3 kéo dài từ 30 (ba mươi) ngày trở lên;

e. Do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc quy định pháp luật;

9.3. Việc chấm dứt Hợp Đồng không làm chấm dứt nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường và phạt theo quy định của Hợp Đồng. Khi chấm dứt Hợp Đồng, mỗi Bên phải thanh toán các khoản tiền còn nợ Bên kia.

10. NOTIFICATION

Any notifications, consents or other communications required or permitted according to this Contract shall be made in English and sent to other Party by:

JR VIETNAM TRAVEL AND TRADE PROMOTION COMPANY LIMITED

Address at: The third floor, Vietcomreal Building, No. 68 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone number: 0903106863

Email: dtdung@jrmarketing.com.vn

Fax: _____

10.THÔNG BÁO

thông báo, sự đồng ý hoặc thông tin liên lạc khác được yêu cầu hoặc cho phép theo Hợp Đồng này sẽ được lập bằng tiếng Anh và sẽ được gửi tới Bên kia thông qua:

NG TY TNHH DU LỊCH VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI JR VIETNAM

chỉ tại: Lầu 3, Tòa nhà Vietcomreal, số 68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

liện thoại: 0903106863

il: dtdung@jrmarketing.com.vn

_____

11. APPLICABLE LAW AND DISPUTE RESOLUTION

11. PHÁP LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

11.1 The Contract is to be interpreted in accordance with INCOTERMS 2010 and United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods 1980

11.2 Any dispute arising out of or relating to this Contract or other documents relating to the implementation of the Contract ("Dispute") shall be resolved first with the best efforts of the Parties.

11.3 In case, the Parties are unable to resolve the Dispute, such Dispute shall be resolved by the Vietnam International Arbitration Center at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VIAC) in accordance with VIAC's Arbitration Rules: (a) the number of arbitrators shall be 01 (one); (b) the venue shall be in Ho Chi Minh City, Vietnam; (c) the language be used in arbitration proceedings shall be in English and Vietnamese.

11.4 Decisions of the arbitrator shall be accepted by the Parties as the final decision. Arbitration fees and all other costs paid by the prevailing party (including the fees of attorney) shall be borne by the losing party.

11.1 Hợp Đồng phải được giải thích theo INCOTERMS 2010 và Công ước Liên Hợp Quốc năm 1980 Về Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa Quốc Tế.

11.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này hoặc các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng (“Tranh chấp”) sẽ được giải quyết trước tiên bằng nỗ lực cao nhất của các Bên.

11.3 Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết được Tranh chấp, thì Tranh chấp đó sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc Trọng tài của VIAC: (a) số lượng trọng tài viên sẽ là 01 (một); (b) địa điểm phân xử sẽ ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; (c) ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài phải bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt.

11.4 Các quyết định của trọng tài sẽ được Các Bên chấp nhận là quyết định cuối cùng. Phí trọng tài và tất cả các chi phí khác mà bên thắng kiện đã chi trả (bao gồm cả phí luật sư) sẽ do bên thua kiện chịu.

12. MISCELLANEOUS

12.1 If a Party has a division, separation, consolidation, merger, change of nature, change of business form or any other changes related to ownership, management or administration of each Party, the terms agreed herein shall not be affected and still binding on assignor(s).

12.2 If a term in the Contract is determined by the competent authority to be invalid/ unenforceable, the remaining terms of the Contract shall not be affected. The Parties shall agree to amend such term in accordance with the Parties' will and laws as soon as possible. The Parties shall continue and not interrupt the implementation of other Contract’s terms that are still valid.

12. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

12.1 Trường hợp một Bên có sự chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thay đổi tính chất, loại hình hay bất kỳ thay đổi nào khác có liên quan đến quyền sở hữu, quản lý, điều hành của mỗi Bên thì các điều khoản theo Hợp Đồng này không bị chi phối, Hợp Đồng này vẫn có giá trị thực hiện cho (các) Bên kế thừa

12.2 Nếu có điều khoản trong Hợp Đồng bị cơ quan có thẩm quyền xác định là vô hiệu/không thể thi hành, các điều khoản còn lại của Hợp Đồng cũng sẽ không bị ảnh hưởng. Các Bên sẽ thỏa thuận để sửa đổi điều khoản đó cho phù hợp với ý chí Các Bên và quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất. Các Bên sẽ tiếp tục và không làm gián đoạn việc thực hiện các điều khoản vẫn đang có giá trị của Hợp Đồng.

12.3 Force Majeure Event:

a. Force Majeure Event is an event occurring objectively that cannot be foreseen and cannot be remedied despite all necessary measures and permissible ability. Force Majeure Events include but are not limited to: (i) Natural disasters, earthquakes, floods, storms, explosions, fires, epidemic and natural disasters; (ii) War, action against government, terrorism, epidemic, riot, strike and demonstration; (iii) Actions and decisions of competent authorities in Vietnam or Hungary such as embargo or change of policy or withdrawal of operating license.

b. A Party who fails to conduct its obligations properly due to the Force Majeure Event shall not be liable to the other Party provided that this Party has notified the other Party within 03 working days when know or must know about the Force Majeure Event.

12.4 The relationship between Seller and Buyer is the relationship of cooperation. Buyer is not an agency or franchisee/licensee of Seller.

12.5 A waiver by any Party to any of the provisions of this Contract shall be invalid unless expressly specified in writing and signed by the Party waiving. Failing to implement, or delay implementing of any right, measure, power or privilege arising out of this Contract shall not constitute or be construed as a waiver.

12.6 This Contract constitutes an entire Contract between Parties related to the matter mentioned in this Contract and supersedes all previous written or oral commitments or Contracts.

12.7 Contract and its appendixes sent by fax or e-mail have the legal power. The letters sent by fax or e-mail have the legal power. Appendixes are integral

12.3 Sự Kiện Bất Khả Kháng:

a. Sự Kiện Bất Khả Kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các Sự Kiện Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: (i) Thiên tai, động đất, lũ lụt, bão, cháy nổ, hỏa hoạn, bệnh dịch và các thảm họa thiên nhiên; (ii) Chiến tranh, hành động chống phá chính quyền, khủng bố, bạo loạn, đình công, biểu tình; (iii) Các hành động, quyết định của cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam hoặc Hung-ga-ri như cấm vận hay thay đổi chính sách hay rút giấy phép hoạt động.

b. Trường hợp một Bên không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình do Sự Kiện Bất Khả Kháng thì không phải chịu trách nhiệm với Bên kia với điều kiện Bên này đã thông báo cho Bên kia trong vòng 03 ngày làm việc từ khi biết hoặc phải biết về Sự Kiện Bất Khả Kháng.

12.4 Mối quan hệ giữa Bên Bán và Bên Mua là mối quan hệ hợp tác. Bên Mua không phải là đại lý hay bên nhận quyền/bên được cấp phép của Bên Bán.

12.5 Việc từ bỏ bởi bất kỳ Bên nào với bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này sẽ không có hiệu lực trừ khi được quy định rõ ràng bằng văn bản và có chữ ký của Bên từ bỏ. Việc không thực hiện, hoặc trì hoãn thực hiện, bất kỳ quyền, biện pháp, quyền lực hoặc đặc quyền nào phát sinh từ Hợp Đồng này sẽ không cấu thành hoặc được hiểu là sự từ bỏ.

12.6 Hợp Đồng này tạo thành thỏa thuận thống nhất giữa Các Bên liên quan đến vấn đề đã đề cập trong Hợp Đồng này và thay thế tất cả các cam kết, thỏa thuận bằng văn bản hoặc bằng miệng hoặc văn bản trước đó.

12.7 Hợp Đồng và các phụ lục Hợp Đồng được gửi bằng fax hoặc email có hiệu lực pháp lý. Thư được gửi bằng fax hoặc email có hiệu lực pháp lý. Các phụ lục là một phần

part of the Contract and be valid as Contract.

12.8 All titles in this Contract are for reference only and shall not affect the meaning of the clauses of this Contract.

12.9 This Contract is made into 02 (two) English-Vietnamese bilingual versions, each Party keeps one (01) copy with equal legal validity. In case of any discrepancy between English and Vietnamese content, English content shall prevail.

12.10 The Parties have read and fully understood the entire contents of this Contract and sign and seal below.

IN WITNESS whereof the Parties hereto have executed this Contract through its legal representative

THE SELLER/BÊN BÁN

_____

Name/Tên: _____

Title/Chức vụ: _____

Date/Ngày: __/__/20__

không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị như Hợp Đồng.

12.8 Mọi tiêu đề trong Hợp Đồng này chỉ nhằm mục đích tham khảo và sẽ không làm ảnh hưởng tới ý nghĩa của các điều khoản trong Hợp Đồng này.

12.9 Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản song ngữ Anh-Việt, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung Tiếng Việt và nội dung Tiếng Anh, nội dung Tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

12.10 Các Bên đã đọc, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp Đồng này và ký và đóng dấu dưới đây.

ĐỂ XÁC NHẬN, Các Bên theo đây ký kết Hợp Đồng này thông qua người đại diện hợp pháp của mình

THE BUYER/BÊN MUA

_____

Name/Tên: _____

Title/Chức vụ: _____

Date/Ngày: __/__/20___

APPENDIX. PHỤ LỤC

COMMODITY' SPECIFICATION AND PACKING/ TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA VÀ ĐÓNG GÓI

1. COMMODITY' SPECIFICATION

Detailed Commodity specification include:

a. Specification under Laws; and

b. ISRI Scrap Specifications Circular: TALDON, BALED AND BRIQUETED POST-CONSUMER ALUMINIUM USED BEVERAGE CAN (UBC) SCRAP AS USED BY NOVELIS; and

c. PLAIN REMELTING OF ALUMINUM WASTE CANS IT IS GIVING ON AVERAGE A COMPOSITION OF ALUMINUM:

SI-0.11%; FE-0,05%; CU-0,15%; MN-0,21%; MG-0,17%; TI-0,01%

OTHER - AL.

NON- HAZARDOUS.

d. Commodity only include Aluminium USED BEVERAGE CAN Scraps. For avoidance of doubt: Steel, lead, bottle caps, plastic cans, other plastic, glass, wood, dirt, grease, trash, other foreign substances and/or any and all aluminum items, other than used beverage cans, are not acceptable. The maximum tolerance is 0.03%.

2. PACKING REQUIREMENT

Packing: Palletized, Aluminum bands, Bale size: 0.6 x 0.75 x 1.0m. Weight: 250 kg.

- Ideal:

  Bale size: 0.9 x 1.2 x 1.5m; Density: 200 - 350 kg/m3

  Biscuit/briquette size: 0.2 x 0.3 x 0.38 m; Density: 350 - 700 kg/m3

- Minimum:

  Bale size: 0.6 x 0.75 x 1.0m; Weight: 250 kg

  Biscuit/briquette size: 0.16 x 0.25 x 0.26m; Weight: 250 kg.

1. TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA

Tiêu chuẩn cụ thể của Hàng Hóa, bao gồm:

a. Tiêu chuẩn theo Pháp luật; và

b. Tiêu chuẩn theo Hướng Dẫn Tiêu Chuẩn Về Phế Liệu của ISRI: TALDON, PHẾ LIỆU NHÔM LON NƯỚC GIẢI KHÁT ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐƯỢC ĐÓNG KIỆN VÀ NÉN NHƯ ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI NOVELIS; và

c. THÀNH PHẦN KHI NẤU CHẢY LẠI VỎ LON:

SI (silic) - 0,11%; FE (sắt) - 0,05%; CU (đồng) - 0,15%; MN (mangan) - 0,21%; MG (ma-giê) - 0,17%; TI (tali) - 0,01%

KHÁC – AL (nhôm)

KHÔNG ĐỘC HẠI

d. Hàng Hóa chỉ bao gồm Phế liệu nhôm lon nước giải khát đã qua sử dụng. Để làm rõ: Thép, chì, nắp chai, can nhựa, các loại nhựa, thủy tinh, gỗ, chất bẩn, dầu mỡ, rác và các chất lạ khác và/hoặc bất kỳ và tất cả các vật dụng bằng nhôm, trừ phế liệu nhôm lon nước giải khát đã qua sử dụng, đều không được chấp nhận. Dung sai tối đa là 0,03%.

2. YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA

Đóng gói: Pa-lét, dây nhôm, kích thước kiện hàng: 0,6 x 0,75 x 1,0m. Trọng lượng: 250 kg.

- Lý tưởng:

  Kích thước kiện hàng: 0,9 x 1,2 x 1,5 mét; Khối lượng riêng: 200 - 350 kg/m3

  Kích thước khuôn: 0,2 x 0,3 x 0,38m; khối lượng riêng: 350 - 700 kg/m3

- Tối thiểu:

  Kích thước kiện hàng: 0,6 x 0,75 x 1,0m; Trọng lượng: 250 kg

  Kích thước khuôn: 0,16 x 0,25 x 0,26m; Trọng lượng: 250 kg.

APPENDIX. PROCEDURE OF SALES OF COMMODITY

PART I. CONTRACT SIGNING

1. Seller sends scan of a signed Contract attached quotation to Buyer via email or fax.
2. Buyer prints, fills and signs the Contract, keep a copy of signed Contract, send via email or fax scan of signed Contract and mail another copy to Seller to confirm.
3. After 1 and 2 finished, Buyer makes the first payment.

PART II. DELIVERY OF COMMODITY

4. Departure

The following steps shall be applied for any shipment:

a. Seller starts packing Commodity on pallets under Commodity packing requirement, processing all necessary papers for the Commodity. Loading pictures will be sent to Buyer after inspection procedure and confirmation, during loading.

b. SGS inspects Commodity before departure. The Seller is required to have SGS' certicifate on quality and quantity of Commodity before departure.

c. Within 02 working days after confirmation of first payment, the Seller must have completed all processes and departure. If the number of days exceeds 04 working days, the Sellers pays 5% of Total Price per day and return the received payment to Buyer's account:

BANK'S NAME: _____

BANK'S ADDRESS: _____

SWIFT CODE: _____

BENEFICIARY'S NAME: _____

BENEFICIARY'S ADDRESS: _____

ACCOUNT NO.: _____

5. After departure, the Seller sends scanned copies of all necessary documents mentioned in Section 4. After the Delivery Company issues the paper copies of the documents mentioned above, Seller shall send physical copies through DHL the address specified in Section 10 as soon as

PHỤ LỤC. QUY TRÌNH BÁN HÀNG HÓA

PHẦN I. KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên Bán gửi bản scan Hợp Đồng đã ký đính kèm báo giá cho Bên Mua qua email hoặc fax
2. Bên Mua in, điền và ký vào Hợp Đồng, sau đó giữ 01 bản Hợp Đồng đã ký, gửi qua email hoặc fax bản scan và sau đó gửi qua đường bưu điện một bản giấy cho Bên Bán để xác nhận đã ký.
3. Sau khi 1 và 2 hoàn thành, Bên Mua thực hiện thanh toán đợt đầu.

PHẦN II. GIAO HÀNG HÓA

4. Khởi hành

Các bước sau đây sẽ được áp dụng với mỗi đợt giao hàng:

a. Bên Bán bắt đầu đóng gói Hàng Hóa trên pa-lét theo các yêu cầu về đóng gói Hàng Hóa, xử lý tất cả các giấy tờ cần thiết cho Hàng Hóa. Hình ảnh đóng hàng sẽ được gửi cho Bên Mua sau thủ tục giám định và xác nhận, trong quá trình đóng hàng.

b. SGS giám định Hàng Hóa trước khi khởi hành. Bên Bán buộc phải có được chứng nhận của SGS về chất lượng và số lượng Hàng Hóa trước khi khởi hành

c. Trong vòng 02 ngày làm việc từ khi xác nhận khoản thanh toán đầu tiên, Bên Bán phải hoàn tất các thủ tục và bắt đầu giao hàng. Nếu quá 04 ngày làm việc mà chưa bắt đầu giao hàng, Bên Bán phải trả cho Bên Mua 5% Tổng Giá Trị mỗi ngày và hoàn trả khoản tiền thanh toán đã nhận vào tài khoản Bên Mua:

TÊN NGÂN HÀNG: _____

ĐỊA CHỈ NGÂN HÀNG: _____

MÃ SWIFT: _____

TÊN BÊN THỤ HƯỞNG: _____

ĐỊA CHỈ BÊN THỤ HƯỞNG: _____

SỐ TÀI KHOẢN: _____

5. Sau khi Hàng Hóa rời đi, Bên Bán gửi bản scan của tất cả tài liệu nêu tại Mục 4. Sau khi công ty vận chuyển cung cấp bản giấy của các tài liệu trên, Bên Bán phải gửi bản giấy bằng DHL tới địa chỉ nêu tại Mục 10 Hợp Đồng ngay khi nhận được các tài liệu đó từ công ty vận chuyển.

receiving those documents from the Delivery Company.

6. Delivery time of Commodity from date of departure at Departure Port to Destination Port is 30 working days. If delivery time is 31 working days or more, the Seller pays to the Buyer the penalty 10% of Total Price per day.

7. Delivery

a. Before delivery, the Seller must inform the Buyer by fax and email of estimated time of arrival at Destination port and the actual time that Commodity arrives at Destination port.

b. Buyer makes payment as specified in Section 3.2 of the Contract.

PART III. INSPECTION OF COMMODITY AT DESTINATION PORT

8. Inspection will be done by competent authority of Vietnam and/or SGS to confirm both quality and quantity of the Commodity. If the Commodity is decided does not meet exact Commodity Specification as Appendix, the Seller will make a compensation penalty of USD 200,000 to Buyer’s account.

9. Inspection and customs cost at Destination port will be at Buyer's costs.

10. In case, Buyer is late in paying, Buyer shall pay to the Seller the penalty 10% of Total Price per day.

6. Tổng thời gian giao hàng cho Hàng Hóa từ lúc khởi hành tại Cảng đi tới Cảng đến là 30 ngày làm việc. Nếu thời gian giao hàng là 31 ngày làm việc trở lên, Bên Bán phải trả cho Bên Mua khoản phạt 10% Tổng Giá Trị mỗi ngày.

7. Giao hàng

a. Trước khi giao hàng, Bên Bán phải thông báo qua fax hoặc email cho Bên Mua về thời gian Hàng Hóa đến Cảng đến dự kiến và thời gian thực tế mà Hàng Hóa tới cảng đến.

b. Bên Mua thanh toán như được quy định tại Mục 3.2 Hợp Đồng.

PHẦN III. GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA TẠI CẢNG ĐẾN

8. Việc giám định Hàng Hóa tại cảng đến được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và/hoặc SGS để xác nhận số lượng và chất lượng Hàng Hóa. Nếu Hàng Hóa được các cơ quan trên xác định không đáp ứng Tiêu chuẩn Hàng Hóa như tại Phụ lục, Bên Bán phải trả cho Bên Mua 200.000 USD tiền phạt vào tài khoản Bên Mua.

9. Chi phí giám định và chi phí hải quan tại Cảng đến sẽ được trả bởi Bên Mua.

10. Nếu Bên Mua chậm thanh toán, Bên Mua phải trả Bên Bán khoản tiền phạt 10% Tổng Giá Trị mỗi ngày.